

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO BÉ

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong CD
TT	Mục tiêu		
I. Lĩnh vực phát triển thể chất			
1	Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	1.Phát triển vận động a. Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ + Co duỗi chân.	1- >9
2	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng gót	1
		-Đi trong đường hẹp	2
		- Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát	7
		- Bật tại chỗ	1
		- Bật về phía trước	3
		- Bật xa 20 - 25 cm	4
3	Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi,Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh; Bò chui qua cổng	3,4,8
		- Đi,Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc	5,6
4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: -Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi	- Lăn, Đập,Tung bắt bóng với cô.	1,2,7
		- Tung bóng lên cao bằng 2 tay	8
		- Ném xa bằng 1 tay.	3
		- Ném xa bằng 2 tay.	5

	bóng (khoảng cách 2,5 m). -Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Ném trúng đích bằng 1 tay. (đích gang)	4
		- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc	6,9
5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài	- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng	8
		- Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc	1,2,5,7
		- Bò, trườn chui qua cổng	3,9
		-Trườn về phía trước	4
		- Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m)	9
		- Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm).	6
		-Đi trong đường hẹp – Bò chui qua cổng – Ném xa bằng 1 tay.	5
		- Bật tại chỗ - Ném xa bằng 1 tay - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	6
		- Bò chui qua cổng – Ném trúng đích ngang - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	7
		-Bật xa 20 – 25 cm – Ném xa bằng 1tay Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.	8
		- Bật xa 20-25cm – Ném xa bằng 2 tay- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng	9
6	Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	Tập các cử động của bàn tay, ngón tay: - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.	1,3
7	Trẻ biết phối hợp và có 1 số kỹ năng trong cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	Phối hợp tay, mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ: - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Cài, cởi cúc.	1->9
* GD Dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	1,5,6

	ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).		
9	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	3,5
10	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	1,2
11	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng.	1,2
12	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách trong ăn uống	1,3
13	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	2,4
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm	8,9
15	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở. + <i>Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật có thể gây cháy, nổ.</i> + <i>Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt.</i> + <i>Nhận biết các tín hiệu,</i>	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	3,4,7

	<i>phương tiện báo động cháy.(Thông tư số 06/2022/TT – BGDDT – Ngày 11/5/2022)</i>		
16	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	2,5,8,9
17	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	1,2,4,6,7
II. Lĩnh vực phát triển Nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
18	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày	8
19	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể	2,7
20	Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	8

21	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Mỗi liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	7,8
22	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	1,3,5,6,7
23	Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mỗi liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	5,6
24	Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày	2,8
25	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thực hiện thông qua các nội dung GD của HĐVC, âm nhạc, tạo hình	4,7,9
<i>b) Làm quen biểu tượng toán sơ đẳng</i>			
26	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Một và nhiều.	1,2,3,9
27	Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. Trẻ biết đếm đến 5 bằng tiếng anh (one, two, three, four, five)	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	4,5,8
28	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	3,6

	phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	
29	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	4,5,6,8
30	Trẻ biết Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	4,5,6,8
31	Trẻ ra nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Xếp xen kẽ.	6,7
32	Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.	6,7
33	Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	7
34	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	2
c) Khám phá xã hội			
35	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	2
36	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.	3
37	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình		
38	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi,	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của	1,3

	trò chuyện	lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	
39	Trẻ có thể kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	4
40	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Ngày lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, 20/11, 8/3 qua trò chuyện, tranh ảnh	1,3,6,7,9
41	Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	9
III. Lĩnh vực phát triển Ngôn ngữ			
42	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	1, 2,4
43	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	1,2,4,8
44	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?	1->9
45	Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	1->5
46	Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ	6,7
47	Trẻ biết Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	3,7,9
48	Trẻ có thể kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc	6,9
49	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9

50	Trẻ có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	5,6
51	Trẻ có thể bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	6,9
52	Trẻ biết sử dụng các từ “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa” ... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1,2,8
53	Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	5,8
54	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.	1,3,9
55	Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	4,9
56	Trẻ thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	7,8,9
		- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1,3,7
IV. Lĩnh vực phát triển Tình cảm và kỹ năng xã hội			
57	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.	2
58	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	2,5,6
59	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Thực hiện thông qua các nội dung GD khác, HĐVC..	3,4,5,9
60	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).	1,3,6

61	Trẻ có thể nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	2,3,6,8
62	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	4,7,9
63	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.	9
64	Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.		
65	Trẻ có thể thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	1,3,5
66	Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở, chấp nhận chính kiến của người khác.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).	2,3,4,9
67	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chờ đến lượt	4,7,8,9
68	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hoà thuận với bạn.	1->7, 9
69	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. - Quan tâm, đến cảnh đẹp lễ hội của quê hương, đất nước	4,5,6,8
70	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, nhận biết thái độ và hành vi bảo vệ môi trường.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường - Tiết kiệm điện, nước.	1,4,7,8
V. Lĩnh vực phát triển Thẩm mỹ			
71	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	3,5,8,9

72	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	1,2,4,6
73	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	5->9
74	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	1->9
75	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	1->9
76	Trẻ biết Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	7,8
77	Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1->9
78	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.	2,4,6, 8
79	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1,3,4,6,7,9
80	Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1,2,8
81	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	3->9
82	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi / nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	1,2,3,4
83	Trẻ biết tạo ra các sản	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý	1,2,8

	phẩm tạo hình theo ý thích.	thích.	
84	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	3,4,5,6,9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

THỜI GIAN (Từ ngày ...đến ngày)	ST T	CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỐ TUẦN	LỄ /HỘI	Đ/C BỔ SUNG
08/09-03/10/2025	1	Trường MN thân yêu – Tết trung thu	- Trường MN của bé	1 tuần		
			- Lớp học của bé	1 tuần		
			- Đồ dùng đồ chơi của bé	1 tuần		
			-Tết trung thu	1 tuần		
06/10-24/10/2025	2	Bé giới thiệu về mình	- Bé giới thiệu về mình	1 tuần		
			- Cơ thể diệu kỳ của bé	1 tuần		
			- Bé lớn lên như thế nào	1 tuần		
27/10 - 21/11/2025	3	Tổ ấm gia đình – Ngày hội của cô giáo	- Ngôi nhà bé yêu	1 tuần		
			- Những người thân của bé	1 tuần		
			- Nhu cầu gia đình	1 tuần		
			- Ngày Nhà giáo Việt Nam	1 tuần		
24/11 - 19/12/2025	4	Bé thích làm nghề gì? Ngày 22/12	- Nghề xây dựng	1 tuần		
			- Nghề chăm sóc sức khỏe	1 tuần		
			- Nghề sản xuất	1 tuần		
			- Ngày thành lập QĐNDVN	1 tuần		
22/12/2025 - 16/1/2026	5	Những con vật bé yêu	- Động vật nuôi trong GD	2 tuần		Kết thúc HKI 18 tuần ngày
			- Động vật sống trong rừng	1 tuần		

						09/1/2026
			- Động vật sống dưới nước	1 tuần		Bắt đầu HK II ngày 12/1/2026
19/1/2026 - 13/02/2026 (Nghỉ tết NĐ từ 14/02 – 22 /2/2026)	6	Cây cối xung quanh bé - Tết và mùa xuân	- Một số loại cây	1 tuần		Ngày 23/2/2026 bắt đầu đi học sau nghỉ tết
			- Một số loại hoa	1 tuần		
			- Tết và mùa xuân	1 tuần		
			- Một số loại quả	1 tuần		
23/2- 20/3/2026	7	Phương tiện GT – Ngày 8/3	- Một số PTGT đường bộ	1 tuần		
			- Ngày 8/3	1 tuần		
			- PTGT đường thủy	1 tuần		
			- PTGT đường sắt - Đường hàng không	1 tuần		
23/3 - 17/4/2026	8	Các hiện tượng thiên nhiên quanh bé	- Nước cần gì cho bé	2 tuần		
			- Mùa hè kỳ diệu	2 tuần		
20/4- 15/05/2026	9	Quê hương ĐN - Bác Hồ - Tết thiếu nhi	- Em yêu TP Điện Biên	2 tuần		
			- Bác Hồ	1 tuần		
			- Tết thiếu nhi	1 tuần		
Tổng cộng				35 tuần		

P.HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Đào Thắm

